

Số/No: 2025829 /TB-FUEIP100

THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam/ Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ Authorised Participants and Investors

1. Tên CTQLQ/Fund management Company:
Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A
/ I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company
2. Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng Vietcombank
3. Mã chứng khoán/ Securities code : FUEIP100
4. Tên quỹ ETF/ ETF name : Quỹ ETF IPAAM VN100
5. Địa chỉ trụ sở chính/ Main office address : Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
6. Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange Date : 03/09/2025
7. Đơn vị tính/Unit : 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ 1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/
Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	Quantity	Weight
I.	Chứng khoán/Stock	1,281,850,000	95.50%
1	ACB	2,100	4.35%
2	BID	100	0.32%
3	BVH	100	0.44%
4	CII	200	0.34%
5	CMG	100	0.30%
6	CTG	400	1.53%
7	DBC	100	0.21%
8	DCM	100	0.30%
9	DGC	100	0.73%
10	DGW	100	0.31%
11	DIG	300	0.52%
12	DPM	200	0.40%
13	DXG	400	0.68%
14	EIB	700	1.55%
15	EVF	300	0.32%
16	FPT	600	4.54%
17	FRT	100	0.97%
18	FTS	100	0.30%
19	GAS	100	0.48%
20	GEX	300	1.22%
21	GMD	200	1.03%



22	GVR	100	0.22%
23	HAG	300	0.37%
24	HCM	200	0.43%
25	HDB	1,200	2.99%
26	HDG	100	0.24%
27	HHV	200	0.22%
28	HPG	2,000	4.10%
29	HSG	200	0.27%
30	KBC	200	0.59%
31	KDC	100	0.40%
32	KDH	300	0.82%
33	LPB	1,300	4.36%
34	MBB	2,000	4.13%
35	MSB	900	1.19%
36	MSN	400	2.47%
37	MWG	500	2.91%
38	NAB	700	0.84%
39	NKG	200	0.24%
40	NLG	100	0.32%
41	OCB	300	0.31%
42	PAN	100	0.25%
43	PCI	100	0.20%
44	PDR	200	0.37%
45	PLX	100	0.27%
46	PNJ	100	0.64%
47	POW	300	0.37%
48	PVD	100	0.16%
49	PVT	100	0.13%
50	REE	100	0.49%
51	SAB	100	0.35%
52	SHB	1,600	2.24%
53	SSB	700	1.12%
54	SSI	700	2.20%
55	STB	900	3.73%
56	TCB	1,800	5.31%
57	TCH	200	0.33%
58	TPB	700	1.09%
59	VCB	400	2.04%
60	VCG	200	0.38%
61	VCI	200	0.72%
62	VHM	600	4.67%
63	VIB	800	1.35%
64	VIC	700	6.69%

65	VIX	700	1.97%
66	VJC	100	1.08%
67	VND	500	0.98%
68	VNM	400	1.80%
69	VPB	2,100	5.48%
70	VRE	400	0.91%
II.	Tiền/Cash (VND)	60,460,931	4.50%
III.	Tổng/Total	1,342,310,931	100.00%

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/

Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/*Value of component securities basket* : (VND) 1,281,850,000

Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per ETF creation unit* : (VND) 1,342,310,931

Giá trị chênh lệch/*Cash component* : (VND) 60,460,931

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	27,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	42,850	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	101,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	69,100	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	27,750	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	78,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	85,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	65,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	39,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	20,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	35,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	26,350	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

Đại diện tổ chức/Organization Representative
Người được ủy quyền công bố thông tin/Persons Authorized to Disclose Information
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)/ (Signature, full name and seal - if any)



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thúy Lan

